Người ký: Văn phòng
Cơ quan: Tỉnh ủy Hưng Yên
Thời gian ký: 06.05.2025 11:34:58 +07:00

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
ỦY BAN KIỂM TRA
*
Số 1957-QĐ/UBKTTW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của ngành Kiểm tra Đảng

---

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương;

- Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Chỉ thị số 41-CT/TW, ngày 26/12/2024 của Bộ Chính trị về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thi đua, khen thưởng trong tình hình mới;

- Xét đề nghị của Vụ Tổng hợp,

ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của ngành Kiểm tra Đảng *(có Quy định kèm theo)*.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 747-QĐ/KTTW, ngày 03/11/2022 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Điều 3. Ủy ban kiểm tra các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương; các vụ, đơn vị thuộc Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương; các tập thể, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 3,
- Ban Thi đua - Khen thưởng TW,
- Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc TW,
- Các đồng chí Thành viên Ủy ban,
- Đồng chí Thư ký Chủ nhiệm,
- Lưu: VT, VTH (5b).

T/M ỦY BAN KIỂM TRA
CHỦ NHIỆM

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
ỦY BAN KIỂM TRA
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Nguyễn Duy Ngọc

TỈNH ỦY HƯNG YÊN
VĂN PHÒNG
*

Số 497- BS/VPTU

Nơi nhận:
- Các ban đảng tỉnh,
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, ĐUTTTU,
- Các đ/c UVBTVTU,
- Lưu VPTU.

SAO Y

Hưng Yên, ngày 05 tháng 5 năm 2025

K/T CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
VĂN PHÒNG
TỈNH ỦY HƯNG YÊN

Thái Văn Minh

QUY ĐỊNH
VỀ CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG
CỦA NGÀNH KIỂM TRA ĐẢNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1957-QĐ/UBKTTW, ngày 26/4/2025 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương

---

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các nội dung về công tác thi đua, khen thưởng, bao gồm: Nội dung thi đua, tổ chức phong trào thi đua, tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua; hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn, số lượng, tỷ lệ khen thưởng; thẩm quyền quyết định khen thưởng; trình tự, thủ tục khen thưởng.

2. Đối tượng áp dụng

2.1. Đối với tập thể: Ủy ban kiểm tra các cấp; các vụ, đơn vị thuộc Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

2.2. Đối với cá nhân: Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đã và đang công tác trong Ngành Kiểm tra Đảng hoặc đang công tác tại các tổ chức, cơ quan, đơn vị từ Trung ương đến cơ sở có thành tích nổi bật trong công tác, có công lao đóng góp xây dựng Ngành Kiểm tra Đảng.

Điều 2. Mục tiêu thi đua, khen thưởng

- Mục tiêu thi đua: Nhằm động viên, thu hút, khuyến khích các cá nhân và tập thể năng động, đổi mới, sáng tạo, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đóng góp xây dựng Ngành Kiểm tra Đảng ngày càng vững mạnh.

- Mục tiêu khen thưởng: Nhằm khuyến khích, động viên kịp thời, ghi nhận công lao, thành tích xuất sắc của cá nhân và tập thể có công lao, thành tích xuất sắc trong thực hiện tốt mục tiêu thi đua; tôn vinh cá nhân có nhiều đóng góp vào quá trình phát triển của Ngành Kiểm tra Đảng.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua

Tự nguyện, tự giác, công khai, dân chủ, đoàn kết, hợp tác, cùng phát triển nhằm phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao của mỗi tập thể, cá nhân. Chỉ phát động thi đua theo đợt khi đã xác định rõ thời gian, mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung và giải pháp.

2. Nguyên tắc khen thưởng

- Hình thức khen thưởng phải phù hợp với đối tượng, chức năng, nhiệm vụ được giao của tập thể, cá nhân và thành tích đạt được.

- Khen thưởng phải căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn, thành tích đạt được và kết quả thực hiện phong trào thi đua; đảm bảo chính xác, công khai, công bằng, kịp thời, đúng quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước; thành tích đến đâu khen thưởng đến đó. Tập thể, cá nhân được khen thưởng phải thực sự tiêu biểu, xứng đáng là gương sáng cho tập thể, cá nhân khác noi theo.

- Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một tập thể, cá nhân đạt được những thành tích khác nhau. Không tặng thưởng nhiều lần, nhiều hình thức cho một thành tích đạt được.

Điều 4. Căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua và xét khen thưởng

1. Căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua

- Phong trào thi đua.

- Thành tích thi đua.

- Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua.

2. Căn cứ xét khen thưởng

- Thành tích đạt được.

- Tiêu chuẩn khen thưởng.

- Điều kiện và hoàn cảnh cụ thể lập được thành tích.

CHƯƠNG II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Tổ chức thi đua, danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp kiểm tra của Đảng"

1. Tổ chức thi đua

Việc tổ chức thi đua được chia thành các cụm thi đua cụ thể theo Thông báo chia cụm thi đua do Ủy ban Kiểm tra Trung ương ban hành.

2. Hình thức thi đua

- Thi đua theo nhiệm kỳ: Là hình thức thi đua được tổ chức phát động căn cứ nghị quyết lãnh đạo của Đảng, nhiệm vụ chính trị được Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao; các đợt phát động thi đua lớn của Thủ tướng Chính phủ, nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng, hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao trong nhiệm kỳ.

- Thi đua theo đợt hoặc chuyên đề: Là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt

nhiệm vụ trọng tâm hoặc một lĩnh vực cần tập trung, được xác định trong khoảng thời gian nhất định để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của Ngành, cơ quan, đơn vị.

3. Cách đánh giá, bình xét, xếp loại thi đua, khen thưởng

Căn cứ kết quả, thành tích khen thưởng hằng năm của các vụ, đơn vị thuộc Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương (là 01 cụm thi đua); kết quả đánh giá, xếp loại của ủy ban kiểm tra các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương thuộc các Cụm thi đua, Ủy ban Kiểm tra Trung ương bình xét, đánh giá, quyết định khen thưởng trong phong trào thi đua nhiệm kỳ và các phong trào thi đua do Ủy ban Kiểm tra Trung ương phát động *(việc đánh giá, chấm điểm, xếp loại đối với ủy ban kiểm tra các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương thuộc các Cụm thi đua thực hiện theo các biểu mẫu đính kèm Phụ lục số 01 của Quy định này).*

4. Danh hiệu thi đua

Cờ thi đua của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

5. Hình thức khen thưởng

5.1. Bằng khen của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

5.2. Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Kiểm tra của Đảng" được tặng một lần cho các cá nhân, được xét tặng vào dịp kỷ niệm ngày truyền thống Ngành Kiểm tra Đảng (16/10) hằng năm.

Điều 6. Tiêu chuẩn, điều kiện

Đối với phong trào thi đua nhiệm kỳ; phong trào thi đua do Ủy ban Kiểm tra Trung ương phát động

1. Cờ thi đua của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

1.1. Số lượng, tỷ lệ: Không quá 20% tổng số đơn vị thuộc mỗi cụm thi đua.

1.2. Tiêu chuẩn: Căn cứ kết quả đánh giá hằng năm của cụm thi đua, tình hình thực tế khi phát động phong trào thi đua, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương có hướng dẫn, ban hành tiêu chuẩn cụ thể.

2. Bằng khen của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

2.1 Bằng khen của Ủy ban Kiểm tra Trung ương cho tập thể.

a) Số lượng, tỷ lệ: Không quá 30% tổng số đơn vị thuộc cụm thi đua.

b) Tiêu chuẩn: Căn cứ kết quả đánh giá hằng năm của các cụm thi đua, tình hình thực tế khi phát động phong trào thi đua, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương có hướng dẫn, ban hành tiêu chuẩn cụ thể.

2.2. Bằng khen của Ủy ban Kiểm tra Trung ương cho cá nhân (áp dụng đối với phong trào thi đua do Ủy ban Kiểm tra Trung ương phát động).

Đối tượng, số lượng, tỷ lệ, tiêu chuẩn: Căn cứ tình hình thực tế, khi phát động phong trào thi đua, Ủy ban Kiểm tra Trung ương có hướng dẫn cụ thể.

2.3. Tặng Bằng khen đột xuất cho tập thể, cá nhân chỉ áp dụng đối với:

(1) Các đoàn và cá nhân lập thành tích xuất sắc khi tham gia các đoàn kiểm tra, giám sát do Ủy ban Kiểm tra Trung ương thành lập;

(2) Các tổ biên tập và cá nhân tham gia các tổ biên tập xây dựng đề tài, đề án hoặc xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy định, quy trình, quy chế, hướng dẫn trình Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương ban hành có phạm vi áp dụng trên toàn quốc hoàn hành vượt tiến độ, có đổi mới, sáng tạo đạt chất lượng cao;

* Số lượng, tỷ lệ xét tặng đối với các trường hợp tại mục (1), (2): Đối với cá nhân không quá 20% tổng số thành viên tham gia các đoàn, tổ biên tập nêu trên.

(3) Tập thể và cá nhân hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng, phát sinh đột xuất ngoài Kế hoạch công tác hoặc các nhiệm vụ do Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao được Ủy ban Kiểm tra Trung ương phát hiện, ghi nhận, biểu dương đánh giá cao và các trường hợp khác do Ủy ban Kiểm tra Trung ương xem xét, quyết định.

2.4. Tặng Bằng khen quá trình cống hiến của Ủy ban Kiểm tra Trung ương cho cá nhân có 25 năm công tác trở lên trong ngành Kiểm tra Đảng, được xét tặng 05 năm một lần vào dịp Lễ kỷ niệm ngày truyền thống Ngành Kiểm tra Đảng.

3. Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Kiểm tra của Đảng"

3.1. Đối tượng xét tặng Kỷ niệm chương

a) Cá nhân đã và đang công tác trong ngành Kiểm tra của Đảng:

- Thành viên ủy ban kiểm tra các cấp (gồm chuyên trách và kiêm nhiệm); công chức, viên chức và người lao động công tác tại cơ quan ủy ban kiểm tra các cấp.

- Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động chuyên trách hoặc kiêm nhiệm công tác kiểm tra Đảng tại các bộ, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc các tổ chức đảng thuộc các Đảng bộ trực thuộc Trung ương.

b) Lãnh đạo Đảng, Nhà nước; lãnh đạo các bộ, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; lãnh đạo cấp ủy, chính quyền các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; lãnh đạo các tổng cục, cục thuộc bộ, ngành có công lao đóng góp trong quá trình xây dựng và phát triển chung của Ngành Kiểm tra Đảng.

3.2. Tiêu chuẩn và điều kiện xét tặng

3.2.1 Tiêu chuẩn

- Có lập trường tư tưởng, chính trị vững vàng; chấp hành tốt các chủ trương, chính sách, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thực hiện tốt các quy định, quy chế, nội quy của cơ quan, đơn vị; có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ nhau trong công tác, có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh.

- Trong thời gian tính tiêu chuẩn xét tặng, hằng năm được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; không bị kỷ luật đảng từ hình thức khiển trách trở lên trong vòng 01 năm trước thời điểm đề nghị tặng Kỷ niệm chương.

3.2.2. Điều kiện

a) Đối với đối tượng quy định tại điểm a, khoản 3.1, Điều 5:

- Thành viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương từ đủ 05 năm trở lên.

- Thành viên ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương đủ từ 07 năm trở lên.

- Cá nhân hoạt động chuyên trách hoặc kiêm nhiệm từ đủ 10 năm trở lên.

- Tính đến thời điểm nghỉ hưu, nếu cá nhân còn thiếu từ 01 đến dưới 12 tháng so với thời gian quy định thì được xem xét tặng Kỷ niệm chương trước khi nghỉ hưu.

b) Đối với đối tượng quy định tại điểm b, khoản 3.1, Điều 5:

- Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có công lao đóng góp trong quá trình xây dựng và phát triển của Ngành Kiểm tra Đảng: Không quy định về thời gian.

- Lãnh đạo ban, bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương; Lãnh đạo các tổng cục, cục thuộc bộ, ngành; Bí thư, Phó Bí thư tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Ủy viên Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương; Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: có thời gian giữ chức vụ từ đủ 05 năm trở lên phụ trách công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng.

- Lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: có thời gian giữ chức vụ từ đủ 07 năm trở lên phụ trách công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng.

- Các trường hợp khác do Ủy ban Kiểm tra Trung ương xem xét, quyết định.

c) Thời gian công tác trong Ngành Kiểm tra Đảng được tính để xét tặng Kỷ niệm chương được cộng dồn nếu cá nhân không công tác, phụ trách liên tục Ngành Kiểm tra Đảng.

Thời gian công tác để tính điều kiện là đến tháng 10 của năm đề nghị tặng Kỷ niệm chương, ví dụ: đề nghị năm 2025 thì tính thời gian công tác đến tháng 10/2025.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương quyết định trao tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng:

- Cờ thi đua của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

- Bằng khen của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

2. Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương quyết định trao tặng các hình thức khen thưởng:

- Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Kiểm tra của Đảng".

- Bằng khen của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khen thưởng đột xuất cho tập thể và cá nhân.

Điều 8. Thủ tục, quy trình, hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Quy trình và hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (Áp dụng chung cho cả thi đua nhiệm kỳ và các đợt thi đua do Ủy ban Kiểm tra Trung ương phát động).

a) Đối với ủy ban kiểm tra các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương.

** Quy trình thực hiện*

- Các đơn vị tổ chức hội nghị tiến hành bình xét, đánh giá, đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho các tập thể, cá nhân của đơn vị mình bằng phiếu kín. Hoàn thiện hồ sơ gửi về vụ theo dõi địa bàn thuộc Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

- Các cụm thi đua tổ chức hội nghị:

+ Chủ trì hội nghị là đồng chí Phó Chủ nhiệm hoặc Thành viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương phụ trách trực tiếp.

+ Các vụ theo dõi địa bàn báo cáo tóm tắt kết quả thành tích đạt được của các đơn vị trong cụm (*kèm bảng tổng hợp thành tích của từng đơn vị*).

+ Căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện, hội nghị thảo luận, bình xét, suy tôn, đề nghị khen thưởng cho các tập thể, cá nhân bằng hình thức bỏ phiếu kín.

- Các vụ, cụm thi đua hoàn thiện hồ sơ gửi Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

** Hồ sơ đề nghị*

- Hồ sơ của các đơn vị gửi về vụ theo dõi địa bàn gồm: (1) Tờ trình có xác nhận của cấp ủy cùng cấp (đối với tập thể) và cấp trên trực tiếp (đối với cá nhân); (2) Báo

cáo thành tích đầy đủ kèm bản sao các quyết định khen thưởng (nếu có); (3) Báo cáo thành tích tóm tắt; (4) Biên bản họp, biên bản kiểm phiếu của đơn vị.

- Hồ sơ của các đơn vị (sau khi tổ chức bình xét tại Cụm thi đua), vụ địa bàn gửi Ủy ban Kiểm tra Trung ương *(qua Vụ Tổng hợp, đồng thời gửi file điện tử qua hệ điều hành tác nghiệp của cán bộ trực tiếp theo dõi công tác thi đua, khen thưởng hoặc trong thiết bị lưu trữ)* gồm: (1) Tờ trình của vụ (có xác nhận của đồng chí Phó Chủ nhiệm phụ trách); (2) Báo cáo thành tích đầy đủ của đơn vị được đề nghị khen thưởng kèm bản sao các quyết định khen thưởng (nếu có); (3) Báo cáo thành tích tóm tắt; (4) Biên bản họp, biên bản kiểm phiếu tại hội nghị cụm thi đua.

b) Đối với các cá nhân, vụ, đơn vị thuộc Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương và các trường hợp được khen thưởng do Ủy ban Kiểm tra Trung ương phát hiện, ghi nhận.

* *Quy trình thực hiện*: Các vụ, đơn vị, cá nhân đề nghị xét tặng hình thức khen thưởng, gửi hồ sơ về Văn phòng Cơ quan để tổng hợp, báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Cơ quan xem xét, trình Thường trực Ủy ban, Ủy ban Kiểm tra Trung ương xem xét, quyết định.

* *Hồ sơ đề nghị*:

- Đối với các vụ, đơn vị thuộc Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương: (1) Tờ trình của vụ, đơn vị (có xác nhận của đồng chí Phó Chủ nhiệm phụ trách); (2) Báo cáo thành tích đầy đủ; (3) Báo cáo thành tích tóm tắt; (4) Biên bản họp, biên bản kiểm phiếu của vụ, đơn vị (nếu có).

- Đối với trường hợp khác: (1) Tờ trình có xác nhận của cấp trên trực tiếp đối với cá nhân); (2) Báo cáo thành tích đầy đủ kèm bản sao các quyết định khen thưởng (nếu có); (3) Báo cáo thành tích tóm tắt; (4) Biên bản họp, biên bản kiểm phiếu của đơn vị (nếu có).

c) Bình xét đề nghị Bằng khen trước, Cờ thi đua sau; bình xét đề nghị Cờ thi đua trong số những đơn vị được đề nghị Bằng khen. Những đơn vị được đề nghị xét tặng Bằng khen phải có số phiếu đồng ý đạt tỷ lệ từ 2/3 trở lên trong tổng số phiếu hợp lệ của các thành viên dự họp; những đơn vị đề nghị xét tặng Cờ thi đua phải có số phiếu đồng ý đạt tỷ lệ từ 80% trở lên trong tổng số phiếu hợp lệ của các thành viên dự họp.

2. Quy trình và hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Kiểm tra của Đảng"

a) Quy trình:

- Ủy ban kiểm tra các cấp chủ động thực hiện Quy trình đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương Ngành Kiểm tra Đảng theo quy định và gửi hồ sơ đề nghị về Ủy ban Kiểm tra Trung ương **trước ngày 31/7 hằng năm.**

- Ủy ban kiểm tra các cấp phổ biến quy định và tổng hợp tờ khai của cá nhân, xác nhận, lập danh sách báo cáo ban thường vụ cấp uỷ. Sau đó gửi danh sách đề nghị về ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương.

- Sau khi tiếp nhận, tổng hợp, rà soát danh sách theo điều kiện, tiêu chuẩn, ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương báo cáo ban thường vụ cấp ủy xem xét, có ý kiến thống nhất, báo cáo, đề nghị Ủy ban Kiểm tra Trung ương (hồ sơ gửi về Vụ Tổng hợp).

(Lưu ý: Đối với cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ hưu: đơn vị quản lý cán bộ trước khi nghỉ hưu có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn, rà soát điều kiện, tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định).

- Đối với các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam do Ủy ban Kiểm tra Trung ương xem xét, quyết định.

- Đối với người công tác ngoài ngành Kiểm tra Đảng: Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương tập hợp danh sách, xin ý kiến của thường trực cấp ủy, báo cáo Ủy ban Kiểm tra Trung ương xem xét, quyết định.

b) Hồ sơ xét tặng và thời gian gửi hồ sơ:

- Tờ khai đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Kiểm tra của Đảng".

- Danh sách đề nghị xét tặng *(Tờ khai và danh sách, bảng tổng hợp đề nghị thực hiện theo biểu mẫu kèm theo Phụ lục số 02 của Quy định này).*

- Hồ sơ đề nghị của các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương gửi về Ủy ban Kiểm tra Trung ương (qua Vụ Tổng hợp và gửi kèm file exel danh sách đề nghị qua hệ điều hành tác nghiệp của Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương mã định danh: A83*)*.

Danh sách đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương phải ghi thông tin đầy đủ, chính xác (ví dụ: đồng chí Nguyễn Văn A, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy xã.., phường..., đặc khu...., tỉnh..., thành phố...); trong văn bản đề nghị của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương phải có thông tin cán bộ trực tiếp lập danh sách: họ tên, số điện thoại cơ quan/di động.

Điều 9. Đối tượng chưa được và không được xét tặng Khen thưởng

1. Đối tượng chưa được xét tặng Khen thưởng

- Cá nhân đang trong thời gian xem xét kỷ luật hoặc có liên quan đến các vụ án hình sự mà chưa có kết luận của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Cá nhân đang trong quá trình điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo, có vấn đề tham nhũng, tiêu cực đang được

xác minh làm rõ theo quy định tại khoản 4, Điều 4, Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Đối tượng không được xét tặng Khen thưởng

- Cá nhân, tập thể bị kỷ luật từ khiển trách trở lên và tập thể có cá nhân bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên trong kỳ phát động thi đua (đang trong thời hiệu kỷ luật).

- Cá nhân bị kỷ luật buộc thôi việc, bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị khai trừ khỏi Đảng.

Điều 10. Mức tiền thưởng và nguồn kinh phí

- Mức tiền thưởng và nguồn kinh phí thực hiện theo quy định hiện hành.

- Các tập thể, cá nhân thuộc ủy ban kiểm tra cấp ủy các cấp được Ủy ban Kiểm tra Trung ương khen thưởng thì ủy ban kiểm tra cấp ủy đó có trách nhiệm chi tiền thưởng từ ngân sách của cấp mình và hạch toán chi thành mục riêng theo quy định.

- Các tập thể, cá nhân thuộc Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương được khen thưởng do Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương chi trả.

- Kỷ niệm chương: Cá nhân được tặng Kỷ niệm chương được nhận Bằng, Khung, Kỷ niệm chương, Hộp đựng Kỷ niệm chương và tiền thưởng không quá 0,6 lần mức lương cơ sở.

Điều 11. Xử lý vi phạm

1. Cá nhân, tổ chức vi phạm quy định về thi đua, khen thưởng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật.

2. Việc thu hồi quyết định khen thưởng của ngành Kiểm tra Đảng được thực hiện trong các trường hợp sau:

- Cá nhân, tập thể gian dối trong việc kê khai thành tích để được khen thưởng.

- Hiện vật khen thưởng hay danh hiệu thi đua của Ngành bị sử dụng sai mục đích hoặc bị lợi dụng vào những việc vi phạm pháp luật.

- Cá nhân, tập thể được trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng có hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Đảng đến mức gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của cơ quan, đơn vị.

3. Cấp có thẩm quyền quyết định trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thì có thẩm quyền hủy bỏ, thu hồi quyết định trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đã được xét tặng.

CHƯƠNG III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương: thống nhất lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý về công tác thi đua, khen thưởng của Ngành; giao đồng chí Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương là Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của Cơ quan giúp đồng chí Chủ nhiệm Ủy ban điều hành công tác thi đua, khen thưởng của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

2. Các vụ, đơn vị thuộc Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương, ủy ban kiểm tra các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương: chịu trách nhiệm trước Ủy ban Kiểm tra Trung ương và cụm thi đua về việc tổ chức thực hiện nội dung thi đua, chấm điểm, bình xét; chịu trách nhiệm về tính trung thực của báo cáo thành tích, kết quả bình xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; lưu trữ hồ sơ thi đua, khen thưởng theo quy định.

3. Vụ Tổng hợp, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương: là Cơ quan thường trực có nhiệm vụ tham mưu, đề xuất, giúp Ủy ban, Thường trực Ủy ban thực hiện các công việc: Triển khai các văn bản về công tác thi đua, khen thưởng của Ủy ban; tổng hợp, thẩm định, trình Thường trực và Ủy ban xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng của các tập thể, cá nhân; sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, nhân rộng điển hình tiên tiến; kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thực hiện nhiệm vụ về công tác thi đua, khen thưởng.

4. Văn phòng Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương: Chịu trách nhiệm chuẩn bị kinh phí, vật tư và tổ chức triển khai các quyết định, chỉ đạo; in ấn, trình ký, đóng dấu bằng khen, giấy chứng nhận,... về công tác thi đua, khen thưởng theo quy định.

Điều 13. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh, các đơn vị có ý kiến bằng văn bản gửi Ủy ban Kiểm tra Trung ương (qua Vụ Tổng hợp) để xem xét, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung.

PHỤ LỤC SỐ 01

CÁC BIỂU MẪU CHẤM ĐIỂM ĐỂ XẾP LOẠI THI ĐUA ĐỐI VỚI UBKT CÁC TỈNH ỦY, THÀNH ỦY, ĐẢNG ỦY TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1957-QĐ/UBKTTW, ngày 26/4/2025 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương)

Mẫu số 1

STT	NỘI DUNG	ĐIỂM CHUẨN		ĐƠN VỊ TỰ CHẤM		Ghi chú
		Điểm nội dung	Điểm bị trừ	Điểm nội dung	Điểm bị trừ	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
I. THỰC HIỆN NHIỆM VỤ DO ĐIỀU LỆ ĐẢNG QUY ĐỊNH		**63**	**39.5**			
1	**Xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát của ủy ban kiểm tra**	**01**				
	Bị trừ điểm nếu:		**0.5**			
	Chậm xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát của uỷ ban kiểm tra		0.5			
2	**Kiểm tra đảng viên, kể cả cấp ủy viên cùng cấp khi có dấu hiệu vi phạm tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên và trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên**	**12**				
	Bị trừ điểm nếu:		**05**			
a	Không chủ động kiểm tra đảng viên, kể cả cấp ủy viên cùng cấp khi có dấu hiệu vi phạm		02			
b	Chưa hoàn thành số cuộc kiểm tra theo chương trình, kế hoạch		01			
c	Thực hiện chưa đúng quy trình hoặc hồ sơ kiểm tra không đầy đủ		01			
d	Không xử lý hoặc xử lý không dứt điểm các sai phạm (nếu có)		01			

3	**Kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm trong việc chấp hành cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, các nguyên tắc tổ chức của Đảng**	**06**				
	Bị trừ điểm nếu:		**05**			
a	Đã phát hiện nhưng không chủ động kiểm tra kịp thời		02			
b	Chưa hoàn thành số cuộc kiểm tra theo chương trình, kế hoạch		01			
c	Thực hiện chưa đúng quy trình, hồ sơ không đầy đủ		01			
d	Không xử lý hoặc xử lý không dứt điểm các sai phạm (nếu có)		01			
4	**Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và thi hành kỷ luật Đảng**	**06**				
	Bị trừ điểm nếu:		**04**			
a	Không hoàn thành kế hoạch đề ra		02			
b	Thực hiện chưa đúng quy trình hoặc hồ sơ kiểm tra không đầy đủ		01			
c	Không xử lý hoặc xử lý không dứt điểm các sai phạm phải xử lý (nếu có)		01			
5	**Giám sát cấp ủy viên cùng cấp, cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý và tổ chức đảng cấp dưới về thực hiện chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, Nghị quyết của cấp ủy và đạo đức lối sống, trách nhiệm nêu gương theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương**	**10**				
	Bị trừ điểm nếu:		**05**			
a	Không hoàn thành chương trình giám sát đã đề ra		02			

b	Kết quả giám sát có dấu hiệu vi phạm nhưng không chuyển kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm		02			
c	Thực hiện giám sát chưa đúng quy trình, hồ sơ không đầy đủ		01			
6	**Xem xét, kết luận những trường hợp vi phạm kỷ luật, quyết định hoặc đề nghị cấp ủy thi hành kỷ luật**	**06**				
	Bị trừ điểm nếu:		**02**			
a	Thực hiện chưa đúng quy trình, hồ sơ không đầy đủ		01			
b	Không xử lý hoặc xử lý không dứt điểm các sai phạm phải xử lý (nếu có)		01			
7	**Giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên**	**05**				
	Bị trừ điểm nếu:		**05**			
a	Thực hiện chưa đúng quy trình, hồ sơ không đầy đủ		01			
b	Không xử lý hoặc xử lý không dứt điểm các sai phạm phải xử lý (nếu có)		01			
c	Để tồn đọng quá thời gian quy định		01			
d	Để tái tố, cấp trên phải xem xét, sửa kết luận		02			
8	**Giải quyết khiếu nại về kỷ luật Đảng thuộc thẩm quyền**	**06**				
	Bị trừ điểm nếu:		**05**			
a	Thực hiện chưa đúng quy trình, hồ sơ không đầy đủ		01			
b	Để tồn đọng quá thời gian quy định		02			
c	Giải quyết khiếu nại, cấp ủy phải xem xét, thay đổi hình thức kỷ luật		02			

9	**Kiểm tra, kiểm soát việc kê khai Tài sản, thu nhập của các cá nhân**	**06**				
	Bị trừ điểm nếu:		**05**			
a	Không hoàn thành kế hoạch đề ra		01			
b	Thực hiện chưa đúng quy trình, hồ sơ không đầy đủ		02			
c	Không xử lý hoặc xử lý không dứt điểm các sai phạm phải xử lý (nếu có)		02			
10	**Kiểm tra tài chính cấp ủy cấp dưới và cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp**	**05**				
	Bị trừ điểm nếu:		**03**			
a	Không hoàn thành kế hoạch đề ra		01			
b	Thực hiện chưa đúng quy trình, hồ sơ không đầy đủ		01			
c	Không xử lý hoặc xử lý không dứt điểm các sai phạm phải xử lý (nếu có)		01			
II. THỰC HIỆN NHIỆM VỤ DO CẤP ỦY GIAO		**12**	**3,5**			
1	**Tham mưu xây dựng chương trình công tác kiểm tra, giám sát hàng năm của cấp ủy**	**01**				
2	**Giúp cấp ủy giám sát tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp và đảng viên do cấp ủy quản lý**	**05**				
3	**Giúp cấp ủy kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp và kiểm tra đảng viên do cấp ủy quản lý**	**06**				
	Bị trừ điểm nếu:		**3,5**			
a	Chậm tham mưu xây dựng chương trình công tác kiểm tra, giám sát hàng năm của cấp ủy		0,5			
b	Không hoàn thành kế hoạch đề ra		01			

c	Thực hiện chưa đúng quy trình, hồ sơ không đầy đủ		01			
d	Không xử lý hoặc xử lý không dứt điểm các sai phạm phải xử lý (nếu có)		01			
III- CÔNG TÁC XÂY DỰNG CƠ QUAN		**05**	**01**			
1	**Công tác kiện toàn tổ chức UBKT và Cơ quan UBKT**	**02**				
2	**Xây dựng chi bộ, đảng bộ và tổ chức đoàn thể cơ quan trong sạch, vững mạnh**	**01**				
3	**Thực hiện công tác chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng cơ quan**	**01**				
3	**Cử cán bộ tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng do Trung ương triệu tập đúng đối tượng, đủ số lượng**	**01**				
	Bị trừ điểm nếu:		**01**			
	Không thực hiện được kế hoạch cử cán bộ đi học		01			
IV. THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO		**05**	**05**			
1	**Báo cáo 06 tháng, báo cáo năm, báo cáo nhiệm kỳ, báo cáo chuyên đề, báo cáo thi đua, báo cáo đột xuất (kể cả báo cáo thống kê)…..**	**02**				
	Bị trừ điểm nếu:		**02**			
a	Không đảm bảo thời gian		01			
b	Không đảm bảo chất lượng, không đúng biểu mẫu		01			
c	Không nộp báo cáo 06 tháng, báo cáo năm thì không được xét thi đua					

2	**Thực hiện tuyên truyền về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng theo quy định**	**01**				
	Bị trừ điểm nếu:		**01**			
	Chậm thực hiện tuyên truyền về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng theo quy định		01			
3	**Thực hiện sơ kết, tổng kết các đề tài, đề án về nghiệp vụ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng do Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương giao**	**01**				
	Bị trừ điểm nếu:		**01**			
	Chậm thực hiện sơ kết, tổng kết các đề tài, đề án về nghiệp vụ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng do Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương giao		01			
4	**Thực hiện công tác chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện chế độ báo cáo**	**01**				
	Bị trừ điểm nếu:		**01**			
	Không thực hiện công tác chuyển đổi số và ứng dụng công tác chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện chế độ báo cáo		01			
V. ĐIỂM THƯỞNG		**15**				
1	**Thực hiện đề tài khoa học**	**01**				
2	**Kiểm tra, kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập của các đồng chí cấp ủy viên cùng cấp**	**01**				
3	**Kiểm tra cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp**	**02**				
4	**Kiểm tra được từ 05 cấp ủy viên cùng cấp trở lên khi có dấu hiệu vi phạm hoặc từ 04 tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp trở lên khi có dấu hiệu vi phạm**	**02**				

5	Giám sát chuyên đề các chương trình mục tiêu quốc gia	02				
6	Phối hợp mở lớp đào tạo - bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ kiểm tra	01				
7	Thực hiện các ứng dụng về công nghệ thông tin, chuyển đổi số vào công tác kiểm tra, giám sát	03				
8	Thực hiện các chủ đề trọng tâm, quan trọng của đợt thi đua do Ủy ban Kiểm tra Trung ương phát động *(quy định cụ thể theo từng phong trào thi đua)*	03				
	TỔNG CỘNG	100	49			

....., ngày..... tháng.... năm 20..

NGƯỜI LẬP BIỂU
(ghi rõ họ, tên, số điện thoại liên hệ)

T/M ỦY BAN KIỂM TRA
(ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 02

Biểu mẫu đề nghị tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Kiểm tra của Đảng"

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1957-QĐ/UBKTTW, ngày 26/4/2025 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương)

.....	**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**
ỦY BAN KIỂM TRA	*....., ngày ..... tháng ..... năm ....*

DANH SÁCH

Đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp kiểm tra của Đảng" năm.....

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ, đơn vị công tác	Quê quán	Số năm, tháng công tác kiểm tra Đảng (hoặc giữ chức vụ chủ chốt)	Nghỉ hưu, mất sức	Ghi chú

XÁC NHẬN CỦA THƯỜNG TRỰC CẤP ỦY

T/M UỶ BAN KIỂM TRA.....

(Ký tên, đóng dấu)

.....
ỦY BAN KIỂM TRA

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
....., ngày ..... tháng ..... năm ....

BẢNG TỔNG HỢP

Kết quả đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp kiểm tra của Đảng" năm .....

STT	Đối tượng	Tỉnh ủy, Thành ủy, Đảng ủy trực thuộc Trung ương		Quận ủy, Huyện ủy, Thành ủy và tương đương		Cấp ủy xã, phường, thị trấn và tương đương		Tổng số	Ghi chú
		Cán bộ là lãnh đạo	Cán bộ không là lãnh đạo	Cán bộ là lãnh đạo	Cán bộ không là lãnh đạo	Cán bộ là lãnh đạo	Cán bộ không là lãnh đạo		
A	**Cán bộ làm công tác Kiểm tra Đảng**								
1	Cán bộ đang công tác								
2	Cán bộ đã nghỉ hưu, mất sức								
3	Cán bộ đã chuyển công tác								
B	**Cán bộ lãnh đạo theo 4 chức danh**								
1	Cán bộ lãnh đạo đương chức								
2	Cán bộ lãnh đạo đã nghỉ hưu								
3	Cán bộ lãnh đạo đã chuyển công tác								

T/M UỶ BAN KIỂM TRA.....
(ký tên, đóng dấu)

TỜ KHAI

Đề nghị xét tặng kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp kiểm tra của Đảng"

I. SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên:.....
2. Sinh ngày, tháng, năm:.....
3. Ngày vào Đảng: ....., ngày chính thức:.....
4. Quê quán: .....
5. Chỗ ở hiện nay: .....
6. Đơn vị công tác: .....
7. Ngày vào công tác ngành Kiểm tra Đảng: .....
8. Đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức:.....
9. Khen thưởng:.....
10. Kỷ luật (Đảng, chính quyền, đoàn thể): .....

II- QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Đơn vị công tác	Chức vụ	Thời gian (tính theo tháng)	Ghi chú
				Tổng số thời gian làm công tác kiểm tra Đảng là ..... năm,.....tháng

Căn cứ quy định của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, tôi tự nhận thấy có đủ điều kiện để xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Kiểm tra của Đảng", kính đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Tôi xin cam đoan nội dung tự khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Cơ quan quản lý cán bộ xác nhận *....., ngày ..... tháng ..... năm 20...*

Người khai

BIỂU THỐNG KÊ
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐỂ XẾP LOẠI THI ĐUA ĐỐI VỚI ỦY BAN KIỂM TRA CÁC TỈNH ỦY, THÀNH ỦY, ĐẢNG ỦY TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1957-QĐ/UBKTTW, ngày 26/4/2025 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương)

Mẫu số 2

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số liệu			Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ% so với Kế hoạch	
1	**Số liệu tổ chức**					
	Tổng số đảng viên					
	Tổ chức đảng trực thuộc					
	Số lượng ủy viên UBKTTU					
	Số lượng công chức Cơ quan UBKTTU					
2	**Xây dựng chương trình công tác kiểm tra, giám sát của UBKT**					
3	**Kiểm tra đảng viên khi có DHVP**					
	- Cấp ủy viên cùng cấp					
	- Cán bộ diện cấp uỷ cùng cấp quản lý					
	- Đối tượng khác					
4	**Kiểm tra tổ chức đảng khi có DHVP**					
	- Trực tiếp					
	- Cấp dưới					
5	**Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra**					
	- Trực tiếp					
	- Cấp dưới					
6	**Kiểm tra việc thi hành kỷ luật trong Đảng**					
	- Trực tiếp					
	- Cấp dưới					
7	**Giám sát**					
	- Giám sát thường xuyên					
	- Giám sát chuyên đề					
	- Cấp ủy viên cùng cấp					
	- Cán bộ diện cấp uỷ cùng cấp quản lý					

	- Đối tượng khác					
8	**Thi hành kỷ luật**					
	-Tổ chức					
	+ Trực tiếp					
	+ Cấp dưới					
	- Đảng viên					
	+ Cấp ủy viên cùng cấp					
	+ Cán bộ diện cấp ủy cùng cấp quản lý					
	+ Đối tượng khác					
	- UBKT xử lý					
	- Cấp ủy xử lý					
9	**Giải quyết tố cáo**					
	- Tổ chức đảng:					
	+ Trực tiếp					
	+ Cấp dưới					
	- Đảng viên					
	+ Cấp ủy viên cùng cấp					
	+ Cán bộ diện cấp ủy cùng cấp quản lý					
	- Đối tượng khác					
10	**Giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng**					
	- Tổ chức đảng:					
	+ Trực tiếp					
	+ Cấp dưới					
	- Đảng viên					
	+ Cấp ủy viên cùng cấp					
	+ Cán bộ diện cấp ủy cùng cấp quản lý					
	+ Đối tượng khác					
11	**Kiểm tra, kiểm soát việc kê khai tài sản thu nhập của các cá nhân**					
	+ Cấp ủy viên cùng cấp					
	+ Cán bộ diện cấp ủy cùng cấp quản lý					
	+ Đối tượng khác					
12	**Kiểm tra tài chính đảng**					

	- Cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp					
	- Cấp ủy cấp dưới trực tiếp					
	- Cấp ủy cấp dưới cách 1, 2 cấp					
13	**Tham mưu xây dựng chương trình công tác hàng năm của cấp ủy**					
14	**Thực hiện nhiệm vụ cấp ủy giao**					
	- Giúp cấp ủy KT theo Điều 30 Điều lệ Đảng					
	+ Số tổ chức đảng					
	+ Số đảng viên					
	- Giúp cấp ủy giám sát					
	+ Số tổ chức đảng cấp dưới					
	+ Đảng viên					
	+ Cấp ủy cùng cấp					
	+ Cán bộ diện cấp ủy quản lý					
	+ Đối tượng khác					
15	**Công tác đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ**					
	- Trực tiếp mở lớp (số lớp/ học viên)					
	- Phối hợp mở lớp (số lớp/ học viên)					
	Phối hợp với Trường chính trị tỉnh mở 1 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ					
16	**Thực hiện chế độ thông tin báo cáo**					
	- Báo cáo chuyên đề					
	- Báo cáo tháng					
	- Báo cáo quý					
	-Báo cáo năm					
17	**Thực hiện các đề tài, sáng chế**					
18	**Thực hiện các ứng dụng về công nghệ thông tin, chuyển đổi số vào công tác kiểm tra, giám sát**					
19	**Thực hiện các chủ đề trọng tâm, quan trọng của đợt thi đua do Ủy ban Kiểm tra Trung ương phát động (quy định cụ thể**					

20	**Tự chấm điểm**					

Ghi chú: Cán bộ nhập số liệu không tự ý sửa biểu;
Những nội dung không có thông tin, để trống.

NGƯỜI LẬP BIỂU

....., ngày.... tháng.... năm 20...
T/M ỦY BAN KIỂM TRA.....
(ký tên, đóng dấu)

Số điện thoại liên hệ: .....

PHƯƠNG PHÁP TÍNH ĐIỂM MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐỂ XẾP LOẠI THI ĐUA ĐỐI VỚI UBKT CÁC TỈNH ỦY, THÀNH UỶ, ĐẢNG ỦY TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

---

1. Kiểm tra dấu hiệu vi phạm:

- Đảng viên (ít nhất 2 đảng viên) được 12 điểm, cụ thể: cấp uỷ viên cùng cấp 12 điểm; cán bộ diện cấp uỷ quản lý 10 điểm; cán bộ cấp dưới 6 điểm.

- Kiểm tra tổ chức đảng được 06 điểm, cụ thể: cấp dưới trực tiếp 06 điểm; cấp dưới cách 1 cấp 04 điểm; cấp dưới cách 2 cấp 03 điểm.

2. Kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra: 06 điểm, cụ thể: cấp dưới trực tiếp 06 điểm; cấp dưới cách 1 cấp 04 điểm.

3. Kiểm tra việc thi hành kỷ luật trong Đảng: 03 điểm, cụ thể: cấp dưới trực tiếp 03 điểm; cấp dưới cách 1 cấp 02 điểm.

4. Giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên

4.1. Được điểm tối đa: 06 điểm (không có đơn tố cáo thuộc thẩm quyền của uỷ ban hoặc của cấp uỷ cùng cấp đương nhiên đạt điểm tối đa)

4.2. Giải quyết đơn tố cáo đạt 95% đơn thư trở lên, cụ thể:

Tổ chức và đảng viên thuộc cấp ủy quản lý trực tiếp 06 điểm; tổ chức đảng và đảng viên cấp dưới 05 điểm.

4.3. Giải quyết đơn tố cáo đạt từ 70% đến 94% đơn thư, cụ thể:

Tổ chức và đảng viên thuộc cấp ủy quản lý trực tiếp 04 điểm; tổ chức đảng và đảng viên cấp dưới 03 điểm.

4.4. Giải quyết đơn tố cáo đạt từ 50% đến 69% đơn thư, cụ thể:

Tổ chức và đảng viên thuộc cấp ủy quản lý trực tiếp 03 điểm; tổ chức đảng và đảng viên cấp dưới 02 điểm.

4.5. Giải quyết đơn tố cáo đạt dưới 50% đơn thư, không được điểm.

5. Giải quyết khiếu nại về kỷ luật Đảng

5.1. Không có đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền của uỷ ban và cấp uỷ cùng cấp được điểm tối đa 06 điểm

5.2. Giải quyết đơn thư khiếu nại đứt điểm 95% số đơn thư, cụ thể: Giải quyết đơn thư của tổ chức trực tiếp và đảng viên thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý: 06 điểm;

6. Giải quyết đơn thư của tổ chức cấp dưới và đảng viên không thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý: 05 điểm.

7. Kiểm tra, kiểm soát việc kê khai tài sản thu nhập của các đảng viên cùng cấp, đảng viên thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý: 05 điểm.

8. Kiểm tra tài chính: 05 điểm. Cơ quan tài chính cấp uỷ cùng cấp 05 điểm (nếu trong năm Uỷ ban Kiểm tra Trung ương đã có kế hoạch và thực hiện kiểm tra thì được tính điểm tối đa cho đơn vị tránh kiểm tra trùng); cấp uỷ cấp dưới 1 cấp được 03 điểm; cách 2 cấp trở lên không tính điểm.

9. Giúp cấp uỷ thực hiện kiểm tra theo Điều 30 Điều lệ Đảng:

Cụ thể: Kiểm tra được 3 cuộc (ít nhất 2 tổ chức và 5 đảng viên) đạt 06 điểm; 2 cuộc (ít nhất 1 tổ chức và 3 đảng viên) được 04 điểm; 1 cuộc 02 điểm.

10. Giúp cấp uỷ thực hiện giám sát theo điều 30 Điều lệ Đảng

Cụ thể: Kiểm tra được 3 cuộc (ít nhất 3 tổ chức và 7 đảng viên) 05 điểm; 2 cuộc (ít nhất 2 tổ chức và 5 đảng viên) được 04 điểm; 1 cuộc 02 điểm.

11. Kiện toàn uỷ ban kiểm tra, cán bộ cơ quan uỷ ban kiểm tra: 05 điểm.

Đủ số lượng Uỷ viên Uỷ ban Kiểm tra 01 điểm; đủ biên chế cán bộ, công chức, viên chức 02 điểm; (nếu thường trực đã đề nghị về biên chế nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê chuẩn được điểm tối đa); hoạt động hiệu quả 01 điểm; thực hiện chức năng chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời, hiệu quả 01 điểm.

12. Đào tạo bồi dưỡng: Cử đủ cán bộ đi học nghiệp vụ kiểm tra do trên triệu tập (hoặc cấp trên không triệu tập) được 02 điểm; không cử đủ số lượng cán bộ đi học được 01 điểm; không cử cán bộ đi học không được tính điểm.